

Số: 161 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 24 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long ngày 16 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4008/TTr-CCBVMT ngày 24 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long, địa chỉ trụ sở chính tại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 123, khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 3703021584 do Phòng đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18 tháng 7 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3703021584.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng chung cư cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ để bán.

1.6. Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.7.1. Phạm vi: Tổng diện tích Dự án 18.146,7 m², trong đó:

* Đất hỗn hợp:

- Đất hỗn hợp - lô A1:

+ Đất xây dựng công trình: 2.709,48m².

+ Đất cây xanh: 1.679,52m².

+ Đất giao thông, sân bãi: 1.968,70 m².

- Đất hỗn hợp - lô A2 – A3:

+ Đất xây dựng công trình: Khối A2: 1.546,72m²; Khối A3: 1.502,42m².

+ Đất cây xanh: 2.402,84m².

+ Đất giao thông, sân bãi: 2.694,22 m².

* Đất thuộc Quy hoạch đường theo Quy hoạch phân khu: 3.642,80 m².

1.7.2. Quy mô, công suất:

- Dự án nhóm A theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Tổng số căn hộ: 2.753 căn hộ, quy mô dân số khoảng 3.811 người, bao gồm:

+ Khối A1: 03 tầng hầm, 36 tầng nổi với tổng diện tích sàn xây dựng 82.650,1 m². Quy mô dân số khoảng 1.663 người.

+ Khối A2 - A3: 03 tầng hầm, 39 tầng nổi với tổng diện tích sàn xây dựng Khối

A2: 53.692,86 m²; tổng diện tích sàn xây dựng Khối A3: 52.207,74 m². Quy mô dân số khoảng 2.148 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

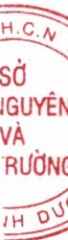
2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..24.. tháng ...11.. năm 2023 đến



ngày 25... tháng 11... năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 của Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long tại phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long;
- Sở Xây dựng;
- UBND thành phố Thuận An;
- UBND phường Thuận Giao;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang5.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **161** /GPMT-STNMT ngày **24** tháng **11** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng cấp giấy phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom, đấu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thủ Dầu Một để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh của khối A1 (nước thải đen phát sinh từ nhà vệ sinh; nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, tắm giặt, nước thải từ vệ sinh ống gen thu gom rác, vệ sinh thùng rác, vệ sinh phòng chứa chất thải sau bể tách dầu mỡ và nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh hồ bơi) với lưu lượng khoảng 558m³/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D90-220mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ của Khối A1.

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh của Khối A2 - A3 (nước thải đen phát sinh từ nhà vệ; nước thải xám phát sinh từ bồn rửa chén, bếp, lavabo, tắm giặt, nước thải từ vệ sinh ống gen thu gom rác, vệ sinh thùng rác, vệ sinh phòng chứa chất thải sau bể tách dầu mỡ và nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh hồ bơi) với lưu lượng khoảng 925 m³/ngày được thu gom bằng đường ống uPVC D90-220mm => Bể xử lý nước thải sơ bộ của Khối A2 - A3.

1.2. Công trình, thiết bị thu gom nước thải:

- Bể xử lý nước thải sơ bộ của Khối A1 có tổng thể tích 770m³ gồm 05 ngăn: Ngăn phân hủy kỵ khí (thể tích 250m³), ngăn lắng (thể tích 125m³), ngăn lọc (thể tích 125m³), ngăn tách dầu, mỡ (thể tích 200m³), ngăn bơm (thể tích 70 m³, vật liệu BTCT, xây âm hoàn toàn, gồm 02 bơm hoạt động luân phiên, công suất 35 m³/giờ/bơm, cột áp 20 mH₂O) đặt tại tầng hầm 3 của chung cư.

- Bể xử lý nước thải sơ bộ của Khối A2 - A3 có tổng thể tích 910m³ gồm 05 ngăn: Ngăn phân hủy kỵ khí (thể tích 320m³), ngăn lắng (thể tích 160m³), ngăn lọc (thể tích 160m³), ngăn tách mỡ (thể tích 200m³), ngăn bơm (thể tích 70 m³, vật liệu BTCT, xây âm hoàn toàn, gồm 02 bơm hoạt động luân phiên, công suất 45 m³/giờ/bơm, cột áp 20



mH_2O) đặt tại tầng hầm 3 của chung cư.

Nước thải sau Bể xử lý sơ bộ của Khối A1 và Khối A2 - A3 => Bơm theo đường ống HDPE D168mm dài 733 m để đầu nối vào hố ga nước thải trên đường Nguyễn Thị Minh Khai => Hố ga hiện hữu D1000 trên đường Đại Lộ Bình Dương để đầu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thủ Dầu Một.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị; kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét, vớt dầu, mỡ tại ngăn tách dầu, mỡ.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng khi xảy ra sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Trang bị máy bơm, thiết bị dự phòng cho hố bơm nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo Quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/BĐ-CP ngày 10/01/2022).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

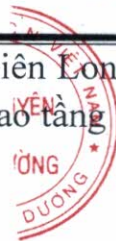
3.1. Tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

3.2. Đảm bảo thu gom và đầu nối nước mưa theo phương án đã được chấp thuận tại Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 và Văn bản số 1987/UBND-KT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An về việc chấp thuận phương án đầu nối thoát nước mưa khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 và Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 2.

3.3. Thi công tuyến ống thu gom nước thải từ dự án đến hố ga hiện hữu D1000mm trên đường Đại Lộ Bình Dương để đầu nối vào Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Thủ Dầu Một (theo Văn bản số 446/BQL.CNNT-ĐTDA ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương; Quyết định số 4544/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An); không xả trực tiếp ra môi trường.

3.4. Đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.5. Công ty Cổ phần Bất động sản Đầu tư và Phát triển Cao ốc Thiên Long chịu trách nhiệm đóng phí dịch vụ xử lý nước thải cho Khu nhà ở phức hợp cao tầng Thuận An 1 theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 161 /GPMT-STNMT ngày 24 tháng 11 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

Stt	Nguồn khí thải	
1	Nguồn số 1	Khí thải (<i>mùi hôi</i>) phát sinh từ bể xử lý nước thải sơ bộ tại Khối A1
2	Nguồn số 2	Khí thải (<i>mùi hôi</i>) phát sinh từ bể xử lý nước thải sơ bộ tại Khối A2-A3

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải

Stt	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ (Hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)
1	Nguồn thải số 1	Dòng khí thải số 1	Ống thải của công trình xử lý khí thải (<i>mùi hôi</i>) phát sinh từ bể xử lý nước thải sơ bộ tại Khối A1	X (m) = 1212476,56 Y (m) = 603435,34
2	Nguồn thải số 2	Dòng khí thải số 2	Ống thải của công trình xử lý khí thải (<i>mùi hôi</i>) phát sinh từ bể xử lý nước thải sơ bộ tại Khối A2-A3	X (m) = 1212594,77 Y (m) = 603465,24

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải từ nguồn 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $1.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.
- Dòng khí thải từ nguồn 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất là $1.500 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 0,8$ và QCVN 20:2009/BTNMT

– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	mg/Nm ³	6	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	mg/Nm ³	40		
3	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về công trình xử lý khí thải:

Khí thải (mùi hôi) được thu bằng quạt hút (công suất 1.500 m³/giờ) qua các đường ống dẫn (uPVC D200mm) về công trình xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: 02 công trình (công trình xử lý khí thải (mùi hôi) tại khối A1 và công trình xử lý khí thải (mùi hôi) tại Khối A2-A3).

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (mùi hôi) => Hệ thống ống dẫn (uPVC DN200mm) => Quạt hút (lưu lượng 1.500m³/giờ) => Tháp hấp phụ than hoạt tính (hình trụ, đường kính 600mm, chiều cao 2m) => Ống phát thải (Ống uPVC DN200mm, cao vượt sân sân thượng tòa nhà 0,7 m).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính, khối lượng 330 kg/năm, tần suất thay than 04 tháng/lần.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra bộ hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến ngày 01

tháng 8 năm 2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thải của công trình xử lý khí thải (02 công trình xử lý).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Thời gian đánh giá: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn hiệu chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi)).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Xây dựng điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



3.7. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 161 /GPMT-STNMT ngày 24 tháng 11 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn 01: Máy phát điện 800 KVA tại Khối nhà A1
- Nguồn 02: Máy phát điện 1000 KVA tại Khối nhà A1
- Nguồn 03: Máy phát điện 1000 KVA tại tại Khối nhà A2-A3
- Nguồn 04: Máy bơm chìm tại hồ bơm nước thải Khối A1.
- Nguồn 05: Máy bơm chìm tại hồ bơm nước thải Khối A2-A3.
- Nguồn 06: Máy bơm chìm bơm nước mưa tại tầng hầm 3 Khối A1
- Nguồn 07: Máy bơm chìm bơm nước mưa tại tầng hầm 3 Khối A2-A3.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

TT	Nguồn	Tọa độ (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3 ⁰)
1	Nguồn số 1	X (m) = 1212443.51; Y (m) = 603463.72
2	Nguồn số 2	X (m) = 1212467.68; Y (m) = 603471.34
3	Nguồn số 3	X (m) = 1212538.45; Y (m) = 603398.81
4	Nguồn số 4	X (m) = 1212453.27; Y (m) = 603457.57
5	Nguồn số 5	X (m) = 1212587.97; Y (m) = 603397.54
6	Nguồn số 6	X (m) = 1212447.02; Y (m) = 603411.35
7	Nguồn số 7	X (m) = 1212570.64; Y (m) = 603354.50

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Thiết kế hệ thống cách âm cho phòng máy phát điện bằng vật liệu chống ồn, lắp đặt buồng tiêu âm cho máy phát điện, lắp đặt các ống bô giảm thanh cho máy phát.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Máy phát điện được lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 161 /GPMT-STNMT ngày 24 tháng 11 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu
		Khối A1	Khối A2-A3			
1	Bóng đèn và các loại thủy tinh hoạt tính thải	250	311	Rắn	16 01 06	NH
2	Dầu, nhớt, mỡ thải (dầu máy)	110	150	Lỏng	16 01 08	NH
3	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	235	289	Rắn/lỏng	16 01 09	KS
4	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	220	354	Lỏng	16 01 10	KS
5	Pin, ắc quy chì thải	50	70	Rắn	16 01 12	NH
6	Linh kiện, thiết bị điện tử, đèn led	142	231	Rắn	16 01 13	NH
7	Bao bì mềm có thành phần nguy hại	168	237	Rắn	18 01 01	KS
8	Bao bì kim loại cứng có các thành phần nguy hại: chai xịt côn trùng, chai xịt phòng...	237	315	Rắn	18 01 02	KS
9	Bao bì nhựa thải dính thành phần nguy hại	310	341	Rắn	18 01 03	KS
10	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	205	258	Rắn	18 02 01	KS
11	Than hoạt tính thải bỏ	330	330	Rắn	19 12 03	KS

Tổng khối lượng	2.257	2.886		
------------------------	--------------	--------------	--	--

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

ST T	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)	
			Khối A1	Khối A2-A3
1	Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ	-	420	625,8
2	Dầu mỡ thải từ ngăn tách dầu, mỡ	12 06 11	180	252
Tổng khối lượng			600	877,8

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Khu chung cư bao gồm: chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn...*), chất thải có khả năng tái sử dụng và tái chế (*bao nilon, vỏ lon, thủy tinh...*), chất thải phải xử lý với khối lượng khoảng, cụ thể như sau:

STT	Nguồn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)
1	Khối A1	1.922,5
2	Khối A2-A3	2.401,0
Tổng khối lượng		4.323,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại mỗi khối (Khối A1 và Khối A2-A3) trang bị 11 thùng chứa màu cam (*01 thùng 100 lít và 10 thùng 60 lít*) có nắp đậy, không rò rỉ, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 02 kho lưu chứa chất thải nguy hại tại Khối A1 và Khối A2-A3, diện tích 10m²/kho (*bố trí tại tầng 1*).

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa);... theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 01 thùng loại 240 lít (có nắp đậy) để lưu chứa dầu, mỡ thải.
- Bùn thải từ bể xử lý nước thải sơ bộ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Tần suất thu gom 06 tháng/lần.

2.2.2. Kho lưu chứa: Bố trí cùng kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 Khối A1 và Khối A2-A3 của khu chung cư.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại từng tầng của Khối A1 và Khối A2-A3: Trang bị mỗi phòng chứa 01 thùng màu xanh loại 240 lít chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng màu cam loại 240 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng màu vàng loại 240 lít chứa chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

- Đối với kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của Khối A1 và Khối A2-A3: Trang bị mỗi khối 06 thùng chứa màu xanh loại 660 lít chứa chất thải thực phẩm, 03 thùng chứa màu cam loại 660 lít chứa chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và 01 thùng chứa màu vàng loại 660 lít chứa các loại chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

2.3.2. Kho lưu chứa:

- Mỗi tầng của Khối A1 và Khối A2-A3 bố trí 02 phòng chứa chất thải rắn sinh hoạt, diện tích 2,5m²/phòng được thiết kế nền đồ bê tông chống thấm, gạch, có mái che nắng, mưa, vách xây tường gạch.

- Kho lưu chứa tập trung tại tầng 1 của Khối A1 và Khối A2-A3: Mỗi khối bố trí 01 kho, mỗi kho diện tích 30 m² được xây dựng bằng vách tường, có mái che, nền đồ bê tông, có cửa ra vào, để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- Xây dựng quy định quản lý khu nhà ở; hướng dẫn các hộ dân thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn *chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*), phân loại chất thải nguy hại; tự trang bị các túi đựng rác, thùng chứa rác để lưu giữ chất thải sau phân loại. Các hộ dân sẽ mang chất thải rắn sinh hoạt sau khi đã phân loại bỏ vào 03 thùng rác được dán nhãn theo từng loại đặt tại phòng chứa rác của mỗi tầng. Định kỳ hàng ngày, nhân viên của Công ty sẽ vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của mỗi tầng đến kho chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại tầng 1 của khu chung cư bằng thang kỹ thuật.

- Đối với dầu, mỡ thải sau khi được vớt từ bể tách dầu, mỡ sẽ được lưu chứa trong thùng tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tập trung.

- Đối với chất thải nguy hại sau khi đã phân loại, người dân sẽ tự mang đến kho

lưu chứa chất thải nguy hại được bố trí tại tầng 1 của khu chung cư.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Thuận Giao nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thuận An để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **161** /GPMT-STNMT ngày **24** tháng **11** năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình thi công, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.
4. Đối với khối lượng đất dôi dư cần vận chuyển ra ngoài dự án (theo quy định về khoáng sản thì đây là loại khoáng sản làm vật liệu san lấp và phải được quản lý, cấp phép theo quy định), đề nghị liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục xin cấp phép theo quy định pháp luật về khoáng sản.
5. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.